

Số: 33/2024/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 16 tháng 01 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 985/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Thái Phong V**, sinh năm 1981.

- Chị **Nguyễn Thị Mỹ L**, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: **Tổ dân phố T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Thái Phong V** và chị **Nguyễn Thị Mỹ L** tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P (N là phường P, thành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 12/6/2008 nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được khoảng 12 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp nên thường xuyên cãi vã. Nay vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn. Xét thấy, hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên Tòa án cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh **V** và chị **L**.

[2] Về con chung: Anh **Thái Phong V** và chị **Nguyễn Thị Mỹ L** xác nhận có 03 con chung tên: **Thái Phúc L1**, sinh ngày 06/01/2009; **Thái Phúc H**, sinh ngày 21/12/2012 và **Thái Xuân T**, sinh ngày 25/12/2015. Hiện nay, các cháu **L1**, **H** và **T** đang ở với anh **V** và chị **L**.

Nay ly hôn, anh **V** và chị **L** thỏa thuận: Giao cả 03 cháu **Thái Phúc L1**, **Thái Phúc H** và **Thái Xuân T** cho anh **V** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi); chị **L** không cấp dưỡng nuôi 03 con.

Sự thỏa thuận về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh **Thái Phong V** và chị **Nguyễn Thị Mỹ L** xác nhận không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh **Thái Phong V** và chị **Nguyễn Thị Mỹ L**, mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001320 ngày 22/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh **Thái Phong V**, chị **Nguyễn Thị Mỹ L** đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh **Thái Phong V** và chị **Nguyễn Thị Mỹ L**.

- Về con chung: Anh **Thái Phong V** và chị **Nguyễn Thị Mỹ L** xác nhận có 03 con chung tên: **Thái Phúc L1**, sinh ngày 06/01/2009; **Thái Phúc H**, sinh ngày 21/12/2012 và **Thái Xuân T**, sinh ngày 25/12/2015. Hiện nay các cháu **L1**, **H** và **T** đang ở với anh **V** và chị **L**.

Giao cả 03 cháu **Thái Phúc L1**, **Thái Phúc H** và **Thái Xuân T** cho anh **Thái P V** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi); chị **Nguyễn Thị Mỹ L** không cấp dưỡng nuôi 03 con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh **Thái Phong V** và chị **Nguyễn Thị Mỹ L** xác nhận không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh **Thái Phong V** và chị **Nguyễn Thị Mỹ L**, mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001320 ngày 22/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh **Thái Phong V**, chị **Nguyễn Thị Mỹ L** đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- CC THADS thành phố Huế;
- UBND phường P, thành phố Huế (*ĐKKH số 47, ngày 12/6/2008*);
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Thị Phương Dung